

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO YÊN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 02-6-2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN - TỈNH LÀO CAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Giàng Thị Phương

2. Ông Dương Quý Sáng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 02/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2021/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Vũ Hồng A, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện K, Thái Bình

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Chị Nông Thị Minh H, sinh năm: 1983

Địa chỉ: Bản L, xã B, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lê Thanh H - Luật sư Văn phòng luật sư Cao Hùng - Đoàn Luật sư tỉnh Lào Cai.

Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/3/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Vũ Hồng A trình bày:

Anh và chị Nông Thị Minh H tự nguyện về chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003, có đến UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng không lấy giấy chứng nhận kết hôn. Nay UBND xã Q xác nhận không có thông tin đăng ký kết hôn của anh chị nên anh xác định là

không có đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc đến năm 2009 thì có mâu thuẫn xảy ra, nguyên nhân là do tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H đã bỏ về nhà người thân tại xã B, huyện B sinh sống và từ đó đến nay anh chị sống ly thân. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh và chị H ly hôn. Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Vũ Hoài N sinh ngày 18/6/2003 hiện đang ở cùng anh. Anh đề nghị Toà án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu, không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, anh có nguyện vọng tự thỏa thuận chia với chị H không đề nghị Toà án giải quyết. Ngoài ra hiện nay anh chị không có công nợ chung.

Đối với bị đơn chị Nông Thị Minh H, quá trình giải quyết vụ án chị H thừa nhận chị và anh Vũ Hồng A về chung sống với nhau từ năm 2003, có đến UBND xã Q làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng anh chị không lấy giấy chứng nhận kết hôn. Sau đó chị được biết giấy chứng nhận kết hôn bị thất lạc thì anh chị cũng không đi làm thủ tục đăng ký kết hôn lại. Theo chị H thì anh chị có đăng ký kết hôn nhưng đến nay chị không có giấy chứng nhận kết hôn để cung cấp cho Toà án. Cuộc sống chung của anh chị có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và anh chị đã sống ly thân từ năm 2009 đến nay là đúng sự thật. Chị đề nghị anh Vũ Hồng A trả cho chị 180.000.000đ thì chị đồng ý ly hôn. Về con chung, chị nhất trí với yêu cầu của anh Vũ Hồng A. Về tài sản chung, chị đề nghị được thỏa thuận chia với anh Vũ Hồng A không yêu cầu Toà án giải quyết, ngoài ra anh chị không có công nợ chung. Sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử bị đơn có đơn yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung là 01 nhà xây cấp 4 tại xóm 4 thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình trị giá 700.000.000đ, chị yêu cầu anh Vũ Hồng A phải trả cho chị số tiền chênh lệch tài sản là 200.000.000đ.

Đối với vụ án này, nguyên đơn đã cung cấp xác nhận ngày 04/02/2021 của UBND xã Q xác định không có hồ sơ đăng ký kết hôn của anh Vũ Hồng A và chị Nông Thị Minh H. Theo đề nghị của chị H, Toà án đã xác minh lại thông tin đăng ký kết hôn của anh chị, theo công văn số 11/UBND-TP ngày 05/4/2021 của UBND xã Q cung cấp thông tin: Trong sổ đăng ký kết hôn năm 2003 và các sổ đăng ký kết hôn khác còn lưu trữ ở địa phương không có trường hợp của anh Vũ Hồng A và chị Nông Thị Minh H. Toà án đã hỏi ý kiến cháu Vũ Hoài N và cháu có nguyện vọng ở với bố, sau khi hoà giải về con chung các đương sự đều nhất trí để anh Vũ Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nam, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Yên phát biểu quan điểm: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị áp dụng: Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên bố anh Vũ Hồng A và chị Nông Thị Minh H

không phải là vợ chồng. **Xử giao cháu Vũ Hoài N cho anh Vũ Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.**

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử quyết định không công nhận các đương sự là vợ chồng và đề nghị công nhận sự thỏa thuận của anh chị về con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Anh Vũ Hồng A có đơn yêu cầu giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” với chị Nông Thị Minh H, căn cứ vào Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai. Các đương sự, người bảo vệ quyền lợi của đương sự đều vắng mặt tại phiên toà, căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Theo lời trình bày của các đương sự thì anh chị đã chung sống với nhau từ năm 2003 và có đến làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình nhưng không lấy giấy chứng nhận kết hôn, quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều trình bày không có giấy chứng nhận kết hôn nộp cho Toà án. Theo xác nhận ngày 04/02/2021 và công văn số 11/UBND-TP ngày 05/4/2021 của UBND xã Q, Hội đồng xét xử xác định anh Vũ Hồng A và chị Nông Thị Minh H không có đăng ký kết hôn. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Các đương sự có một con chung là cháu Vũ Hoài N sinh ngày 18/6/2003. Quá trình giải quyết vụ án anh chị đã thỏa thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi cháu N, nguyên đơn đã cung cấp được chứng cứ về điều kiện khả năng nuôi dưỡng con. Tuy nhiên do các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà, căn cứ Điều 15, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử cần giao cháu N cho anh Vũ Hồng A trực tiếp nuôi dưỡng và chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều không yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung. Ngày 26/4/2021 chị H có đơn yêu cầu chia tài sản chung là 01 nhà xây cấp 4 tại xóm 4 thôn T, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Xét thấy yêu cầu của chị H được bổ sung sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không thể giải quyết được trong vụ án này, chị H có quyền khởi kiện chia tài sản chung trong một vụ án khác. Ngoài ra các đương sự đều thừa nhận không có công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Anh Vũ Hồng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử không công nhận anh Vũ Hồng A và chị Nông Thị Minh H là vợ chồng.

2/ Về con chung: Giao cháu Vũ Hoài N sinh ngày 18/6/2003 cho anh Vũ Hồng A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị Minh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Anh Vũ Hồng A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Yên, tỉnh Lào Cai theo biên lai số 0001999 ngày 23/3/2021, anh đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh LC;
- VKSND huyện Bảo Yên(2);
- Đương sự;
- Người BVQL;
- Chi cục THADS Bảo Yên;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh

